TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/DS-ST
Ngày: 18 - 9 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Phương Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2025/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần H.

Địa chỉ trụ sở: Số E, đường N, phường L, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1977 là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần H - Vắng mặt).

2. Ông Bùi Đức Q, sinh năm 1974 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số: 12402/2023/UQ-TGĐ12 ngày 29 tháng 12 năm 2023 - Vắng mặt).

Cùng địa chỉ làm việc: Số E, đường N, phường L, Thành phố Hà Nội.

3. Anh Huỳnh Trung K, sinh năm 1999 là người đại diện của nguyên đơn theo ủy quyền lại của ông Bùi Đức Q (Văn bản ủy quyền số: 4550/2024/GUQ-TGĐ12 ngày 14 tháng 8 năm 2024 - Có mặt).

Địa chỉ làm việc: Số A, đường T, phường C, Thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn:

1. Anh Võ Văn N, sinh năm 1996; địa chỉ (Vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Tổ A, ấp M, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ làm việc và nơi ở hiện nay: Số A, đường P, khu vực Y, phường C, Thành phố Cần Thơ.

2. Chị Võ Thị Ngọc N1, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Địa chỉ đăng ký thường trú: Số C, đường C, Khu V, phường N, Thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ làm việc và nơi ở hiện nay: Số A, đường P, khu vực Y, phường C, Thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 9 năm 2024, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2024 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần H và trong quá trình xét xử, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Huỳnh Trung K trình bày:

Ngày 14/02/2023, Ngân hàng thương mại cổ phần H (gọi tắt là Ngân hàng H) cùng với anh Võ Văn N ký kết giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số: 4157640/2023/HĐCV kèm theo Phụ lục số 01-Về việc tăng lãi suất cho vay khi khách hàng vi phạm nghĩa vụ mua bảo hiểm, và Phụ lục số 02-Về việc cam kết chuyển dòng tiền về tài khoản thanh toán của khách hàng mở tại Ngân hàng H (gọi tắt là Hợp đồng cho vay) với nội dung:

Ngân hàng H đồng ý cho anh N vay tín chấp số tiền 490.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân; mục đích sử dụng vốn tiêu dùng cá nhân và gia đình; lãi suất cho vay trong hạn thả nổi, kỳ đầu tiên 23%/năm, sau đó lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng lãi suất cơ sở hoặc mức khác (theo phê duyệt hoặc quy định của Ngân hàng H tại thời điểm ký hợp đồng nhưng không vượt quá 10%/năm) cộng biên độ lãi suất 5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định theo từng thời kỳ, ngày điều chỉnh lãi suất kỳ đầu tiên là ngày 03/6/2023, ngày điều chỉnh lãi suất định kỳ tiếp theo là ngày 3; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tính trên dư nợ gốc thực tế tương ứng từng kỳ chậm trả gốc bị chuyển nợ quá hạn; phương thức trả nợ gốc hàng tháng được chia thành 60 kỳ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả số tiền 8.166.667 đồng (trong đó: kỳ đầu tiên trả vào ngày 17/4/2023, từ kỳ thứ 2 đến kỳ thứ 59 trả vào ngày 16 hàng tháng), kỳ cuối tất toán nợ gốc còn lại; phương thức trả nợ lãi hàng tháng tính trên dư gốc thực tế giảm dần, thời điểm trả lãi tương ứng với thời điểm trả gốc. Ngoài ra các bên còn thỏa thuận về những trường hợp bên cho vay có quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi bên vay vi phạm.

Thực hiện Hợp đồng cho vay: Ngày 14/02/2023, Ngân hàng H giải ngân cho anh N nhận số tiền 490.000.000 đồng. Ngày 03/3/2023, anh N và vợ là chị

Võ Thị Ngọc N1 cùng xác lập Văn bản đồng thuận về việc vay vốn và cùng trả nợ cho ngân hàng với nội dung, thống nhất cử anh N thực hiện thủ tục vay vốn, trường hợp anh N không trả được nợ thì anh N và chị N1 cùng có nghĩa vụ trả nợ, văn bản thỏa thuận này là một bộ phận không tách rời hợp đồng cho vay mà anh N đã ký với Ngân hàng H. Kể từ ngày nhận tiền vay cho đến ngày 16/02/2024, anh N chỉ thanh toán được một phần gốc, lãi đến hạn với số tiền 122.929.080 đồng (Trong đó: gốc 57.188.559 đồng, lãi trong hạn 65.629.851 đồng, lãi quá hạn 110.670 đồng); còn nợ chưa thanh toán số tiền 68.452.155 đồng (Trong đó: nợ gốc 32.644.778 đồng, nợ lãi trong hạn 32.328.922 đồng, nợ lãi quá hạn 3.478.455 đồng). Sau đó, anh N không tiếp tục thanh toán bất kỳ khoản tiền vay nào. Mặc dù Ngân hàng H đã nhiều lần làm việc với anh N, yêu cầu anh N, chị N1 thanh toán các khoản nợ đã quá hạn, nhưng cả hai trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ. Ngày 30/8/2024, Ngân hàng H thông báo chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, yêu cầu anh N, chị N1 tất toán các khoản nợ vay trước ngày 10/9/2024. Tuy nhiên, anh N, chị N1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 18/9/2025, các khoản nợ vay đã phát sinh số tiền 635.104.264 đồng (Trong đó: dư nợ gốc 432.811.441 đồng, dư nợ lãi trong hạn 183.635.058 đồng, dư nợ lãi quá hạn 18.657.765 đồng).

Nay, Ngân hàng H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh N, chị N1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng H nợ vay tính đến ngày 18/9/2025 số tiền 635.104.264 đồng và tiếp tục trả lãi trong hạn tính trên dư nợ gốc thực tế giảm dần, trả lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc thực tế bị quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay đã ký. Thời điểm trả lãi tiếp theo được tính kể từ ngày 19/9/2025 cho đến khi anh N, chị N1 trả xong nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh N, chị N1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh N, chị N1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do chính đáng vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm. Riêng bị đơn anh N, chị N1 không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã được Kiểm sát viên nhận định, phân tích, cùng với điều luật viện dẫn đề nghị áp dụng như trong Phát biểu. Đề nghị Tòa án giải quyết:

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H. Buộc anh N và chị N1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng H nợ vay tính đến ngày 18/9/2025 số tiền 635.104.264 đồng và tiếp tục trả lãi trên nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay đã ký. Thời điểm trả lãi tiếp theo được tính kể từ ngày 19/9/2025 cho đến khi anh N và chị N1 trả xong nợ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh N và chị N1 phải chịu án phí số tiền 29.404.171 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc loại vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục xét xử: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị N1 theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Về áp dụng pháp luật: Xét thời điểm xác lập, thực hiện, phát sinh tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa các bên đương sự được Tòa án thụ lý, giải quyết như nhận định tại các mốc đơn [2], [3] "*Về nội dung*" diễn ra qua nhiều thời kỳ pháp luật về ngân hàng có quy định khác nhau. Căn cứ vào khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020; khoản 2 Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 (gọi chung là Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010) và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 là Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N2 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (gọi tắt là Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN) để giải quyết.

[2] Xét việc thỏa thuận xác lập, thực hiện quan hệ tín dụng cho vay tín chấp số tiền 490.000.000 đồng giữa Ngân hàng H và anh N trên cơ sở ký kết Hợp đồng cho vay ngày 14/02/2023, Văn bản đồng thuận về việc vay vốn và cùng trả nợ do vợ chồng anh N, chị N1 xác lập ngày 03/3/2023 là đúng trình tự, thủ tục, phương thức, thời hạn về hoạt động cho vay tiêu dùng, mức lãi suất cho vay, trả nợ tiền vay, chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn được quy định tại khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều

91, Điều 94, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 4 Điều 2, các điều 4, 10, 12, 13, 18, 23, 30, 31 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN.

[3] Xét trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bị Ngân hàng H chấm dứt cho vay, thông báo thu hồi nợ trước hạn, yêu cầu anh N, chị N1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 18/9/2025, anh N, chị N1 chưa thanh toán các khoản nợ vay gồm nợ gốc số tiền 432.811.441 đồng, nợ lãi trong hạn tính trên dư nợ gốc thực tế giảm dần số tiền 183.635.058 đồng, nợ lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc thực tế bị quá hạn số tiền 18.657.765 đồng. Việc Ngân hàng H khởi kiện yêu cầu anh N, chị N1 phải có nghĩa vụ trả nợ vay số tiền 635.104.264 đồng và tiếp tục trả lãi trong hạn tính trên dư nợ gốc thực tế giảm dần, trả lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc thực tế bị quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay đã ký, thời điểm trả lãi tiếp theo được tính kể từ ngày 19/9/2025 cho đến khi anh N, chị N1 trả xong nợ là đúng quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm a và điểm c khoản 4 Điều 13, khoản 1 Điều 21 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN.

[4] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng như nhận định tại các mốc đơn [1], [2] "*Về tố tụng*" và các mốc đơn [1], [2], [3] "*Về nội dung*", Tòa án chấp nhận ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án giải quyết:

[1] Anh N, chị N1 phải chịu án phí tính tròn số tiền 29.404.171 đồng.

[2] Hoàn trả cho Ngân hàng H được nhận lại số tiền 12.273.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 40, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

- Áp dụng điểm a và điểm c khoản 4 Điều 13, khoản 1 Điều 21 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N2 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Tuyên xử:

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần H.

1.1. Buộc anh Võ Văn N và chị Võ Thị Ngọc N1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần H số tiền 635.104.264 (Sáu trăm ba mươi lăm triệu một trăm lẻ bốn nghìn hai trăm sáu mươi bốn) đồng.

1.2. Buộc anh Võ Văn N và chị Võ Thị Ngọc N1 có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi trong hạn tính trên dư nợ gốc thực tế giảm dần, trả lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc thực tế bị quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số: 4157640/2023/HĐCV đã ký ngày 14 tháng 02 năm 2023 cho Ngân hàng thương mại cổ phần H. Thời điểm trả lãi tiếp theo được tính kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2024 cho đến khi anh N, chị N1 trả xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc anh Võ Văn N và chị Võ Thị Ngọc N1 phải nộp án phí số tiền 29.404.171 (Hai mươi chín triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn một trăm bảy mươi mốt) đồng.

2.2. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần H được nhận lại số tiền 12.273.000 (Mười hai triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0014743 ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Vĩnh Long.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt anh Huỳnh Trung K; vắng mặt ông Nguyễn Hoàng L, ông Bùi Đức Q, anh Võ Văn N, chị Võ Thị Ngọc N1. Báo cho ông L, ông Q biết có quyền đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần H kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh N, chị N1 vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND khu vực 2 - Vĩnh Long: 02;
- THADS tỉnh Vĩnh Long (Qua Phòng THADS khu vực 2 - Vĩnh Long): 01;
- ĐD.NĐ + BĐ: 05;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Cao Minh Tân